

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2022/DSST
Ngày: 21-9-2022
V/v “tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tô Hiền Đức**

2. Ông **Võ Quang Truyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hiền** – *Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.*

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:**
bà Lâm Thị Bảo Trang – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022, theo quyết định hoãn phiên tòa số 67 ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Hoàng D**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 137, đường P, khu phố 2, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 1984, anh **Tô Hoàng V**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số A, khu phố 2, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị H có mặt, anh V vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số A, khu phố 2, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lâm Ngọc T**, sinh năm 1957. Địa

chỉ: Số 137, đường P, khu phố 2, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Ngọc T – Ông Ngô Hoàng D (theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2022). Ông D có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ KIẾN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2021, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Hoàng D trình bày:

Giữa nhà ông D với vợ chồng chị H, anh V có mối quan hệ sui gia. Do thấy chị H làm chủ hụi nên ông D có tham gia hụi 1 phần, cụ thể: Ngày 18/02/2019 phần hụi 10.000.000 đồng, 15 ngày khui 1 lần, hụi có 30 phần. Ông D đóng hụi từ ngày 18/02/2019 đến tháng 20/4/2020, đóng hụi được 29 lần, tổng số tiền đóng là 245.000.000 đồng, đến lần thứ 30 ông D hốt hụi thì chị H tuyên bố vỡ hụi, không đăng hụi cho ông D. Ngày 10/6/2020 chị H tổng kết lại số tiền hụi chị H còn nợ ông D là 265.000.000 đồng, chị H cam kết sẽ trả tiền cho ông D. Chị H, bà Đ đã trả dần cho ông D được 140.000.000 đồng, còn lại 125.000.000 đồng chị H chưa trả. Khi làm hụi thì cả hai vợ chồng chị H, anh V cùng làm, khi đóng hụi thì có lúc ông D đóng cho chị H, có lúc ông D đóng cho anh V. Bà Đ là mẹ ruột của anh V ở chung với vợ chồng chị H, anh V, việc làm ăn của vợ chồng anh V thì bà Đ cũng đứng ra phụ quản lý, khi vợ chồng anh V đổ nợ thì bà Đ có trả tiền cho ông D, việc bà Đ trả tiền cho ông D có ghi vào sổ ông D do bà Đ kí tên. Nay ông D yêu cầu vợ chồng anh V, chị H, bà Đ trả cho ông D số tiền nợ hụi là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị H trình bày: Ông D với gia đình anh V chồng chị H đã làm ăn quen biết từ trước khi chị H về làm dâu. Bà Trần Thị Đ là mẹ chồng chị H mở quán tạp hóa nên chị H phụ bà Đ bán tạp hóa. Ngoài buôn bán tạp hóa cùng gia đình thì chị H có thay mặt bà Đ đứng ra làm chủ hụi. Ông D có chơi hụi với chị H 01 phần dây hụi 10.000.000 đồng, hụi có 28 phần. Ông D hốt hụi chót được 270.000.000 đồng trừ tiền còn 5.000.000 đồng còn 265.000.000 đồng. Ông D có đóng hụi cho chị H đầy đủ. Khi đến lượt ông D hốt hụi do chị H phải cản trừ hụi của nhiều dây hụi khác, dây này cản trừ dây kia nên không có đủ 265.000.000 đồng để đưa cho ông D, do đó chị H có xin ông D cho chị H trả dần thì ông D đồng ý. Chị H, anh V, bà Đ đã trả cho ông D được nhiều lần từ tháng 6/2020 cho đến tháng 3/2021 với số tiền 140.000.000 đồng. Việc làm hụi là cả gia đình cùng làm và để lo cho công việc kinh doanh của gia đình, chị H đồng ý trả nợ cho ông D nhưng yêu cầu anh V và bà Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị H.

Tại bản tự khai ngày 07/7/2022 bị đơn anh V trình bày: Việc nợ hụi giữa ông Ngô Hoàng D với chị H anh V hoàn toàn không biết bởi lẽ hụi anh V không tham gia, anh V yêu cầu Tòa án làm việc với chị H vì chị H đã bỏ nhà đi 02 năm, đi đâu, làm gì anh V không biết.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Ngọc T – Ông Ngô Hoàng D trình bày: Số tiền ông D chơi hụi với vợ chồng chị H, bà Đ là tiền chung của vợ chồng ông bà, do bà T bị bệnh nên ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng. Bà T yêu cầu vợ chồng anh V, chị H, bà Đ trả cho vợ chồng ông D, bà T số tiền nợ hụi là 125.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 07/7/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ trình bày: Việc nợ hụi giữa ông Ngô Hoàng D với chị H bà Đ hoàn toàn không biết bởi lẽ hụi bà Đ không tham gia, bà Đ yêu cầu Tòa án làm việc với chị H vì chị H đã bỏ nhà đi 02 năm, đi đâu, làm gì bà Đ không biết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Tại phiên tòa bị đơn Tô Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng D, buộc chị Võ Thị Mỹ H, anh Tô Hoàng V có trách nhiệm liên đới trả cho ông D, bà T 125.000.000 đồng, ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Tô Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần 2 mà vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp các đương sự vắng mặt là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ hụi và bị đơn đang cư trú tại Số 124/3, khu phố 2, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng góp hụi và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Hòa

Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ông D cho rằng có tham gia 1 dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng do chị H làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi ông D đóng hụi đầy đủ, nhưng khi mãn hụi chị H không đăng hụi cho ông D mà xin trả nợ dân. Thời điểm chốt nợ ngày 10/6/2020 chị H còn nợ ông D tổng số tiền nợ hụi là 265.000.000 đồng và chị H, anh V, bà Đ đã trả nhiều lần cho ông D đến tháng 3/2021, hiện còn nợ lại ông D 125.000.000 đồng. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu chị H, anh V, bà Đ liên đới trả cho ông D số tiền trên.

[4] Xét yêu cầu của ông D và ý kiến của chị H, anh V, bà Đ thấy rằng:

[4.1] Về số tiền nợ: Chị H thừa nhận chị làm chủ hụi có ông D tham gia và thống nhất số tiền nợ hụi là 265.000.000 đồng khi chốt nợ và chị đã trả ông D 140.000.000 đồng và hiện còn nợ ông D 125.000.000 đồng như ông D yêu cầu. Lời thừa nhận này cũng phù hợp với biên nhận nợ, bảng ghi chi tiết về việc trả nợ do nguyên đơn cung cấp (bút lục 24-25) nên ông D khởi kiện yêu cầu trả là có căn cứ phù hợp Điều 280 của Bộ luật dân sự và Điều 15, Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường. Các bên thống nhất số tiền nợ, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng D sự.

[4.2] Về trách nhiệm trả nợ: Ông D yêu cầu chị H, anh V, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông D, bà T 125.000.000 đồng. Chị H thừa nhận anh V có biết việc chị tổ chức chơi hụi, việc làm ăn là cả gia đình làm chung mở đại lý sữa, tã, bỉm, bà Đ có đứng ra phụ vợ chồng chị H quản lý việc làm ăn, mục đích H làm chủ hụi là để phụ công việc kinh doanh và chăm lo cho cuộc sống gia đình. Anh V không đồng ý trả số tiền nợ vì anh V không biết việc chị H tổ chức hụi và anh V cũng không gom góp hụi. Lời trình bày của anh V là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc tổ chức hụi của chị H đã xảy ra rất lâu, trong thời gian chị H và anh V vẫn còn sống chung, anh V không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là khoản nợ riêng của chị H. Do đó, ông D yêu cầu chị H và anh V có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông D, bà T là phù hợp Điều 288 của Bộ luật dân sự, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông D, chị H cho rằng bà Đ cùng tham gia làm hụi với chị H nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong giấy xác nhận nợ bà Đ không kí tên, sổ theo dõi hụi viên chị H không cung cấp được cho Tòa án, bà Đ có bản tự khai không biết về việc chị H làm chủ hụi. Về việc trả tiền có chữ kí của bà Đ, ông D cho rằng bà Đ có trả tiền cho ông D, có ghi trong sổ, qua đối chiếu danh sách trả nợ do ông D cung cấp thì thấy việc trả nợ cho ông D ngoài bà Đ còn có chữ kí của nhiều người khác trả tiền, trả vào sổ tiền nợ nào không xác định cụ thể.

[4.4] Ông D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị H và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D, bà T 125.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị H và anh V phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 288, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng D.

Buộc chị Võ Thị Mỹ H, anh Tô Hoàng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Hoàng D, bà Lâm Ngọc T số tiền nợ hụi 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Ghi nhận ông D không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Võ Thị Mỹ H, anh Tô Hoàng V phải chịu 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Ngô Hoàng D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS Thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lâm Thị Nguyễn